



(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

### 13. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH KINH TẾ

#### a) Các chuyên ngành (Specialization):

**13.1. Kinh tế học**, bao gồm: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Chính sách công, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Kinh tế các ngành và lĩnh vực, Phát triển nông thôn, Hệ thống nông nghiệp;

**13.2. Kinh doanh**, bao gồm: Kinh doanh; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại; Marketing; Thương mại; Quản trị nhân lực, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh các ngành và lĩnh vực;

**13.3. Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm**, bao gồm: Tài chính – Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Tài chính quốc tế; Thị trường và các định chế tài chính;

**13.4. Kế toán – Kiểm toán**, bao gồm: Kế toán, Kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán đơn vị sự nghiệp, Kế toán công,

**13.5. Quản trị – Quản lý**, bao gồm: Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Logistics và chuỗi cung ứng.

#### b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

| TT | Tên tạp chí                                                        | Chỉ số ISSN | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                                                                                   | Điểm                |
|----|--------------------------------------------------------------------|-------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế                           |             | Tạp chí | SCI, SCIE, SSCI (ISI) có IF $\geq$ 3 và A&HCI (ISI)                                                                                | 0 – 3,0             |
|    |                                                                    |             |         | SCI, SCIE, SSCI (ISI) có IF<3 và Scopus (Q1)                                                                                       | 0 – 2,0             |
|    |                                                                    |             |         | ESCI (ISI) và Scopus (Q2, Q3, Q4)                                                                                                  | 0 – 1,5             |
| 2  | Các tạp chí khoa học quốc tế khác (ACI, ...)                       |             | Tạp chí | ACI                                                                                                                                | 0 – 1,25 trước 2025 |
|    |                                                                    |             |         | Khác (do HĐGS ngành đánh giá và quyết định)                                                                                        | 0 – 1,0             |
| 3  | Các tạp chí khoa học thuộc nhóm chuyên ngành Kinh tế               |             | Tạp chí | Thuộc Top 500 trường ĐH hàng đầu thế giới do Times Higher Education (THE) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn, xếp hạng hàng năm | 0 – 1,0             |
| 4  | Báo cáo khoa học viết bằng tiếng Anh tại hội nghị khoa học quốc tế |             | Kỷ yếu  | Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.                                                   | 0 – 1,0             |
| 5  | Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia                    |             | Kỷ yếu  | Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.                                  | 0 – 0,5             |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT | Tên tạp chí                                                                                                                     | Chỉ số ISSN                | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Điểm                                                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 6  | Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị và Quản lý |                            |         | Không thuộc danh mục ISSI/Scopus, nhưng được xuất bản bởi các nhà xuất bản: Springer, Elsevier, Wiley-Blackwell, Taylor&Francis, Sage, Oxford University Press, Cambridge University Press, Emerald, Macmillan Publishers, Edward Elgar Publishing, De Gruyter, World Scientific, Routledge, Peter Lang, Thomson Reuters, McGraw Hill. | 0 – 1,0                                                 |
| 7  | Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và Kinh doanh                                                         |                            | Tạp chí | ĐH Quốc gia TP. HCM; ĐH Đà Nẵng; ĐH Huế                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0 – 0,5                                                 |
| 8  | Cộng sản                                                                                                                        | 2734-9063<br>e-2734-9071   | Tạp chí | Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0 – 0,5<br>0 – 1,0 từ 2022                              |
| 9  | Công thương (tên cũ: Công nghiệp) (chỉ tính bài kinh tế)                                                                        | 0866-7756<br>(0868-3778)   | Tạp chí | Bộ Công thương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0 – 0,5                                                 |
| 10 | Thương mại (hợp nhất với Công nghiệp thành tạp chí Công thương) (chỉ tính bài kinh tế)                                          | 0866-7853                  | Tạp chí | Bộ Công thương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0 – 0,5                                                 |
| 11 | Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội (đã đình bản)                                                                                | 1859-0764                  | Tạp chí | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0 – 0,25 từ 2013 đến 2020                               |
| 12 | Hoạt động Khoa học (tiền thân của Khoa học và Công nghệ Việt Nam) (chỉ tính bài kinh tế)                                        | 0866-7152                  | Tạp chí | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0 – 0,5                                                 |
| 13 | Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B (tên cũ: Hoạt động Khoa học) (chỉ tính bài kinh tế)                                       | p-1859-4794<br>e-2615-9759 | Tạp chí | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0 – 0,25 từ 2015<br>0 – 0,5 từ 2020<br>0 – 0,75 từ 2022 |
|    | Vietnam Journal of Science and Technology - MOST, Series B (chỉ tính bài kinh tế)                                               |                            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0 – 0,75 từ 2022                                        |
| 14 | Khoa học và Công nghệ, Bản D (VMOST Journal of Social Sciences and Humanities) (chỉ tính bài kinh tế)                           | 2734-9748                  | Tạp chí | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0 – 0,25 từ 2022<br>0 – 0,5 từ 2023<br>0 – 0,75 từ 2025 |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT | Tên tạp chí                                                                                                                                                                       | Chỉ số ISSN                               | Loại    | Cơ quan xuất bản                                  | Điểm                                                     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 15 | Kinh tế và Dự báo                                                                                                                                                                 | p-1859-4972<br>e-2734-9365<br>(0866-7120) | Tạp chí | Bộ Tài chính                                      | 0 – 0,5<br><b>0 – 0,75</b> từ 2023                       |
| 16 | Lao động Xã hội (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                                                                            | 0866-7643                                 | Tạp chí | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội               | <b>0 – 0,5</b><br>(tính đến số xuất bản cuối cùng)       |
| 17 | Nông nghiệp và Môi trường (Tên cũ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ: Khoa học Kinh tế Nông nghiệp; Nông nghiệp và Công nghiệp; Kinh tế Nông nghiệp) (chỉ tính bài kinh tế) | 3093-3382<br>(1859-4581<br>0866-7020)     | Tạp chí | Bộ Nông nghiệp và Môi trường                      | <b>0 – 0,5</b>                                           |
| 18 | Thanh tra Tài chính (đã đình bản)                                                                                                                                                 | 2354-0885                                 | Tạp chí | Bộ Tài chính                                      | <b>0 – 0,25</b> từ 2015 đến 2020                         |
| 19 | Tài chính                                                                                                                                                                         | 2615-8973                                 | Tạp chí | Bộ Tài chính                                      | 0 – 0,5<br><b>0 – 0,75</b> từ 2022                       |
|    | Review of Finance                                                                                                                                                                 | 2615-8981                                 |         |                                                   | 0 – 0,5 từ 2019<br><b>0 – 0,75</b> từ 2022               |
| 20 | Tổ chức nhà nước (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                                                                           | 2588-137X                                 | Tạp chí | Bộ Nội vụ                                         | <b>0 – 0,25</b> từ 2020 (tính đến số xuất bản cuối cùng) |
| 21 | Ngân hàng – Viet Nam Banking Review (tên cũ: Thông tin KH Ngân hàng) (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                       | 2815-6048<br>e-2815-6056<br>(0866-7462)   | Tạp chí | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                       | <b>0 – 0,5</b>                                           |
| 22 | Kiểm toán (chuyển thành báo từ tháng 4/2012)                                                                                                                                      | 0868-3227                                 | Tạp chí | Kiểm toán Nhà nước                                | <b>0 – 0,5</b> trước tháng 4/2012                        |
| 23 | Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán                                                                                                                                                     | 1859-1671                                 | Tạp chí | Kiểm toán Nhà nước                                | 0 – 0,25 từ 2016<br><b>0 – 0,5</b> từ 2022               |
| 24 | Quản lý Ngân quỹ quốc gia                                                                                                                                                         | 1859-4999                                 | Tạp chí | Kho bạc Nhà nước                                  | <b>0 – 0,5</b>                                           |
| 25 | Du lịch Việt Nam (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                                                                           | 0866-7373                                 | Tạp chí | Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | <b>0 – 0,5</b>                                           |
| 26 | Con số và Sự kiện (tên cũ: Thống kê) (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                                                       | p-2734-9136<br>e-2734-9144<br>(0866-7322) | Tạp chí | Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư          | <b>0 – 0,5</b>                                           |
| 27 | Thuế Nhà nước                                                                                                                                                                     | 1859-0756                                 | Tạp chí | Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính                       | <b>0 – 0,5</b>                                           |
| 28 | Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (từ 2017)<br>Tên cũ: Phát triển kinh tế                                                                                                   | p-2615-9104<br>Cũ: 1859-1124              | Tạp chí | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh             | <b>0 – 1,0</b>                                           |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT | Tên tạp chí                                                                                                                   | Chỉ số ISSN                                 | Loại           | Cơ quan xuất bản                            | Điểm                                                                                                       |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Journal of Asian Business and Economic Studies (từ 2017)<br>Tên cũ: Journal of Economic Development                           | e-2515-964X<br>p-2615-9112<br>Cũ: 1859-1116 |                |                                             | 0 – 1,0<br>0 – 1,25 từ 2018<br>0 – 1,5 từ 2022<br>(SCOPUS)<br><b>0 – 2,0</b> từ 2023<br>(SCOPUS Q1)        |
| 29 | Kinh tế và phát triển                                                                                                         | 1859-0012                                   | Tạp chí Scopus | Đại học Kinh tế Quốc dân                    | <b>0 – 1,0</b>                                                                                             |
|    | Journal of Economics and Development (ACI từ 2016)                                                                            | p-1859-0020<br>e-2632-5330                  |                |                                             | 0 – 1,0<br>0 – 1,25 từ 2017<br><b>0 – 1,5</b> từ 2023<br>(SCOPUS)<br><b>0 – 2,0</b> từ 2024<br>(SCOPUS Q1) |
| 30 | Quản lý và Kinh tế quốc tế (từ 2020)<br>Tên cũ: Kinh tế đối ngoại                                                             | 2615-9848<br>(1859-4050)                    | Tạp chí ACI    | Trường Đại học Ngoại thương                 | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2017<br><b>0 – 1,0</b> từ 2024                                                      |
|    | Journal of International Economics and Management<br>Tên cũ: External Economics Review                                        | 2615-9856<br>(1859-4050)                    |                |                                             | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2017<br>0 – 1,0 từ 2021<br>0 – 1,25 từ 2024<br><b>0 – 1,0</b> từ 2025               |
| 31 | Khoa học & công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                   | 0866-7896                                   | Tạp chí        | Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp | 0 – 0,25 từ 2015<br><b>0 – 0,5</b> từ 2020                                                                 |
| 32 | Khoa học (chỉ tính bài Kinh tế)                                                                                               | 1859-2333<br>2815-5599                      | Tạp chí        | Trường Đại học Cần Thơ                      | 0 – 0,5 từ 2016<br><b>0 – 0,75</b> từ 2022                                                                 |
|    | CTU Journal of Innovation and Sustainable Development<br>Tên cũ: Can Tho University Journal of Science (chỉ tính bài kinh tế) | 2588-1418<br>2815-6412                      |                |                                             | 0 – 0,25 từ 2022<br><b>0 – 0,75</b> từ 2024                                                                |
| 33 | Khoa học Giao thông vận tải (chỉ tính bài kinh tế)                                                                            | V-1859-2724<br>E-2615-9554                  | Tạp chí        | Trường Đại học Giao thông vận tải           | 0-0,25 từ 2020<br><b>0-0,5</b> từ 2024                                                                     |
| 34 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                               | 1859-2759-V<br>2588-1523-E                  | Tạp chí        | Trường Đại học Hồng Đức                     | 0 – 0,25 từ 2021<br><b>0 – 0,5</b> từ 2025                                                                 |
| 35 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                               | 0866-8051                                   | Tạp chí        | Trường Đại học Mở Hà Nội                    | <b>0 – 0,25</b> từ 2020                                                                                    |
| 36 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                               | 2734-9306<br>e-2734-9578                    | Tạp chí        | Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh            | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2020<br><b>0 – 1,0</b> từ 2023                                                      |
|    | Ho Chi Minh City Open University Journal of Science - Economics and Business Administration                                   | p-2734-9314<br>e-2734-9586                  | Tạp chí ACI    | Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh            | 0 – 0,75 từ 2022<br>0 – 1,25 từ 2023<br><b>0 – 1,0</b> từ 2025                                             |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT | Tên tạp chí                                                                                       | Chỉ số ISSN                                                            | Loại           | Cơ quan xuất bản                                | Điểm                                                                                                              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 37 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                   | 2615-9686                                                              | Tạp chí        | Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng                | 0 – 0,25 từ 2021<br>0 – 0,5 từ 2025                                                                               |
| 38 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                   | 2354-1091                                                              | Tạp chí        | Trường Đại học Tây Bắc                          | 0 – 0,25 từ 2021                                                                                                  |
| 39 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                   | 1859-4611                                                              | Tạp chí        | Trường Đại học Tây Nguyên                       | 0 – 0,25 từ 2019                                                                                                  |
| 40 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                   | 2815-6072                                                              | Tạp chí<br>ACI | Trường Đại học Trà Vinh                         | 0 – 0,25 từ 2017<br>0 – 0,75 từ 2024                                                                              |
| 41 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                   | 2525-2429                                                              | Tạp chí        | Trường Đại học Văn Lang                         | 0 – 0,25 từ 2021                                                                                                  |
| 42 | Khoa học công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                                                         | p-28151859-3968                                                        | Tạp chí        | Trường Đại học Hùng Vương                       | 0 – 0,25 từ 2019<br>0 – 0,5 từ 2021<br>0 – 0,75 từ 2024                                                           |
| 43 | Khoa học - Dalat University Journal of Science (chỉ tính bài chuyên san Economics and Management) | 0866-787X                                                              | Tạp chí<br>ACI | Trường Đại học Đà Lạt                           | 0 – 0,25 từ 2017<br>0 – 0,5 từ 2020<br>0 – 0,75 từ 2022<br>0 – 1,0 từ 2023<br>0 – 1,25 từ 2024<br>0 – 1,0 từ 2025 |
| 44 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                   | 1859-2368                                                              | Tạp chí        | Trường Đại học Hải Phòng                        | 0 – 0,25 từ 2017<br>0 – 0,5 từ 2025                                                                               |
| 45 | Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển                                                       | p-2588-1205<br>e-2615-9716<br>(1859-1388)                              | Tạp chí        | Đại học Huế                                     | 0 – 0,5 từ 2016                                                                                                   |
| 46 | Khoa học Đại học Huế: Xã hội và Nhân văn (chỉ tính bài kinh tế)                                   | p-2588-1213<br>e-2615-9724                                             | Tạp chí        | Đại học Huế                                     | 0 – 0,25 từ 2020                                                                                                  |
| 47 | Khoa học Đại học Thủ Dầu Một (chỉ tính bài kinh tế)                                               | 1859-4433<br>e-2615-9635                                               | Tạp chí        | Trường Đại học Thủ Dầu Một                      | 0 – 0,25 từ 2017                                                                                                  |
| 48 | Khoa học Đại học Văn Hiến (chỉ tính bài kinh tế)                                                  | 1859-2961                                                              | Tạp chí        | Trường Đại học Văn Hiến                         | 0 – 0,25 từ 2017<br>0 – 0,5 từ 2021                                                                               |
| 49 | Kinh tế và Kinh doanh (Cũ: Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh thuộc Khoa học ĐHQGHN)                | p-2734-9845<br>(2615-9287,<br>0866-8612)<br>e-2734-9861<br>(2588-1108) | Tạp chí        | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | 0 – 0,75 từ 2020<br>0 – 1,0 từ 2023                                                                               |
|    | VNU Journal of Economics and Business                                                             | 2815-5858-E<br>e-2734-9861<br>(2588-1108)                              |                |                                                 | 0 – 0,5 từ 2022<br>0 – 1,0 từ 2023                                                                                |
| 50 | Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý (chỉ tính bài kinh tế)                          | p-2615-9295<br>e-2588-1116<br>(0866-8612)                              | Tạp chí        | Đại học Quốc gia Hà Nội                         | 0 – 0,5 từ 2020<br>0 – 0,75 từ 2025                                                                               |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT | Tên tạp chí                                                  | Chỉ số ISSN                                              | Loại    | Cơ quan xuất bản                                          | Điểm                                                          |
|----|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 51 | Khoa học Kinh tế                                             | 0866-7969                                                | Tạp chí | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng                   | 0 – 0,5 từ 2015<br>0 – 0,75 từ 2023<br><b>0 – 1,0</b> từ 2025 |
| 52 | Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (chỉ tính bài kinh tế)       | 1859-1469                                                | Tạp chí | Trường Đại học Mỏ - Địa chất                              | <b>0 – 0,25</b> từ 2020                                       |
| 53 | Khoa học Quản lý và Kinh tế                                  | 2354-1350                                                | Tạp chí | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế                       | 0 – 0,5 từ 2020<br><b>0 – 0,75</b> từ 2024                    |
| 54 | Khoa học Quốc tế AGU tên cũ: Khoa học (chỉ tính bài kinh tế) | 0866-8086                                                | Tạp chí | Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | <b>0 – 0,25</b> từ 2017                                       |
| 55 | Khoa học Tài chính Kế toán                                   | 2354-0958                                                | Tạp chí | Trường Đại học Tài chính - Kế toán                        | <b>0 – 0,25</b> từ 2021                                       |
| 56 | Khoa học Thương mại<br>Journal of Trade Science              | p-1859-3666<br>e-2815-5726<br>p-2815-5793<br>e-2755-3957 | Tạp chí | Trường Đại học Thương mại                                 | 0 – 0,5<br>0 - 0,75 từ 2013<br><b>0 – 1,0</b> từ 2017         |
| 57 | Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                 | 1859-1531                                                | Tạp chí | Đại học Đà Nẵng                                           | <b>0 – 0,75</b> từ 2017                                       |
| 58 | Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                 | p-1859-3585<br>e-2615-9619                               | Tạp chí | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội                         | 0 – 0,5 từ 2013<br><b>0 – 0,75</b> từ 2024                    |
| 59 | Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                 | 2525-2267<br>1859-3712                                   | Tạp chí | Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh                | 0 – 0,5<br><b>0 – 0,75</b> từ 2025                            |
| 60 | Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                 | 2615-9031                                                | Tạp chí | Trường Đại học Đông Đô                                    | <b>0 – 0,25</b> từ 2019                                       |
| 61 | Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân (chỉ tính bài kinh tế) | 1859-4905                                                | Tạp chí | Trường Đại học Duy Tân                                    | <b>0 – 0,25</b> từ 2020                                       |
| 62 | Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp (chỉ tính bài kinh tế)      | 1859-3828                                                | Tạp chí | Trường Đại học Lâm nghiệp                                 | 0 – 0,25 từ 2013<br><b>0 - 0,5</b> từ 2022                    |
|    | Journal of Forestry Science and Technology                   | 2615-9368                                                |         |                                                           | <b>0 – 0,5</b> từ 2022                                        |
| 63 | Khoa học Yersin (chỉ tính bài kinh tế)                       | 2525-2372                                                | Tạp chí | Trường Đại học Yersin Đà Lạt                              | <b>0 – 0,25</b> từ 2020                                       |
| 64 | Kinh doanh và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)               | 2615-9414                                                | Tạp chí | Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội             | <b>0 – 0,25</b> từ 2021                                       |
| 65 | Kinh tế Kỹ thuật (chỉ tính bài kinh tế)                      | 0866-7802                                                | Tạp chí | Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương              | <b>0 – 0,25</b> từ 2015                                       |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT | Tên tạp chí                                                                                                          | Chỉ số ISSN                                | Loại           | Cơ quan xuất bản                                               | Điểm                                                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 66 | Kinh tế và Ngân hàng châu Á<br>Tên cũ trước 2019: Công nghệ Ngân hàng (chỉ tính đối với các bài nghiên cứu khoa học) | 2615-9813<br>(1859-3682)                   | Tạp chí        | Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh                       | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2022<br>0 – 1,0 từ 2025          |
|    | Asian Journal of Economics and Banking<br>Tên cũ: Banking Technology Review                                          | p-2615-9821<br>e-2633-7991                 |                |                                                                |                                                         |
| 67 | Kinh tế và Quản trị kinh doanh                                                                                       | 2525-2569                                  | Tạp chí        | Trường Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên     | 0 – 0,25 từ 2019<br>0 – 0,5 từ 2020<br>0 – 0,75 từ 2025 |
| 68 | Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế (chỉ tính bài kinh tế)                                                     | 2588-1221                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Tây Đô                                          | 0 – 0,25 từ 2021                                        |
| 69 | Nghiên cứu Tài chính – Marketing                                                                                     | 1859-3690                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Tài chính – Marketing                           | 0 – 0,25 từ 2017<br>0 – 0,5 từ 2021<br>0 – 0,75 từ 2024 |
|    | Journal of Finance – Marketing Research                                                                              | p-3030-4296<br>e-3030-430X                 |                |                                                                | 0 – 0,75 từ 2025                                        |
| 70 | Phát triển Khoa học Công nghệ: Chuyên san Kinh tế - Luật và Quản lý (chỉ tính bài kinh tế)                           | 2588-1051                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2020<br>0 – 1,0 từ 2024          |
| 71 | Phát triển và Hội nhập                                                                                               | 1859-428X                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Kinh tế – Tài chính TP.HCM                      | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2024                             |
| 72 | Nguồn nhân lực và An sinh xã hội (chỉ tính bài kinh tế)                                                              | 2815-5610                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Lao động Xã hội                                 | 0 – 0,25 từ 2022<br>0 – 0,5 từ 2024                     |
| 73 | Khoa học Quản lý và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                                                                 | 2525-2348                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu nghị                   | 0 – 0,25 từ 2022<br>0 – 0,5 từ 2024                     |
| 74 | Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)                                                                         | 1859-4336                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Bình Dương                                      | 0 – 0,25 từ 2022<br>0 – 0,5 từ 2024                     |
| 75 | Khoa học Nông nghiệp và Phát triển (chỉ tính bài kinh tế)                                                            | 2815-5866                                  | Tạp chí        | Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang                            | 0 – 0,25 từ 2022                                        |
| 76 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                                                                      | 1859-0357                                  | Tạp chí<br>ACI | Trường Đại học Quy Nhơn                                        | 0 – 0,25 từ 2022<br>0 – 0,75 từ 2024                    |
| 77 | Khoa học Đại học Công thương (tên cũ: KH Công nghệ và Thực phẩm) (chỉ tính bài kinh tế)                              | p-3030-4113<br>e- 3030-413X<br>(0866-8132) | Tạp chí        | Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh                     | 0 – 0,25 từ 2022<br>0 – 0,5 từ 2024                     |
| 78 | Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Cũ: Khoa học và Phát triển, Khoa học kỹ thuật nông nghiệp VN) (chỉ tính bài kinh tế)  | 1859-0004-V<br>2588-1299-E                 | Tạp chí        | Học viện Nông nghiệp Việt Nam                                  | 0 – 0,5 từ 2016<br>0 – 0,75 từ 2017<br>0 – 1,0 từ 2025  |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT | Tên tạp chí                                                      | Chỉ số ISSN                                              | Loại    | Cơ quan xuất bản                                               | Điểm                                                           |
|----|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 79 | Giáo dục lý luận (chỉ tính bài kinh tế)                          | 0868-3492                                                | Tạp chí | Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị Quốc gia HCM  | 0 – 0,25 từ 2015<br><b>0 – 0,5</b> từ 2024                     |
| 80 | Khoa học Chính trị (chỉ tính bài kinh tế)                        | 1859-0187                                                | Tạp chí | Học viện Chính trị Quốc gia HCM (Phân viện TP. HCM)            | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 81 | Lý luận Chính trị (chỉ tính bài kinh tế)                         | p-2525-2585<br>e-2525-2607<br>2525-2593-E<br>(0868-2771) | Tạp chí | Học viện Chính trị Quốc gia HCM                                | 0 – 0,5 từ 2015<br><b>0 – 0,75</b> từ 2023                     |
| 82 | Thông tin khoa học chính trị (chỉ tính bài kinh tế)              | 2354-1474                                                | Tạp chí | Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị Quốc gia HCM | <b>0 – 0,25</b> từ 2021                                        |
| 83 | Nghiên cứu Tài chính – Kế toán                                   | 1859-4093                                                | Tạp chí | Học viện Tài chính                                             | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2020<br><b>0 – 1,0</b> từ 2023          |
| 84 | Journal of Finance and Accounting Research                       | 2588-1493                                                | Tạp chí | Học viện Tài chính                                             | 0 – 0,5 từ 2019<br>0 – 0,75 từ 2020<br><b>0 – 1,0</b> từ 2023  |
| 85 | Kinh tế-Luật và Ngân hàng (Tên cũ: Khoa học & Đào tạo Ngân hàng) | 3030-4199<br>(1859-011X)                                 | Tạp chí | Học viện Ngân hàng                                             | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2021<br><b>0 – 1,0</b> từ 2023          |
| 86 | Journal of Economic and Banking Studies (JEBS)                   | 2734- 9853                                               | Tạp chí | Học viện Ngân hàng                                             | <b>0 – 0,5</b> từ 2023<br><b>0 – 0,75</b> từ 2025              |
| 87 | Kinh tế và Quản lý                                               | 1859-4565                                                | Tạp chí | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh                        | 0 – 0,25 từ 2013<br>0 – 0,5 từ 2016<br><b>0 – 0,75</b> từ 2025 |
| 88 | Nghiên cứu Dân tộc (chỉ tính bài kinh tế)                        | 0866-773X                                                | Tạp chí | Học viện Dân tộc                                               | <b>0 – 0,25</b> từ 2020                                        |
| 89 | Nghiên cứu quốc tế (chỉ tính bài kinh tế)                        | 1859-0608                                                | Tạp chí | Học viện Ngoại giao                                            | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 90 | Quản lý Nhà nước (chỉ tính bài kinh tế)                          | 2354-0761<br>(0868-2828)<br>e-2815-5831                  | Tạp chí | Học viện Hành chính và Quản trị công                           | 0 – 0,5<br><b>0 – 0,75</b> từ 2022                             |
|    | State Management Review (chỉ tính bài kinh tế)                   | 2815-6021                                                |         |                                                                | 0 – 0,25 từ 2022<br><b>0 – 0,5</b> từ 2025                     |
| 91 | Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)                                  | 2615-9007                                                | Tạp chí | Học viện Phụ nữ Việt Nam                                       | 0 – 0,25 từ 2022<br><b>0 – 0,5</b> từ 2024                     |
| 92 | Châu Mỹ ngày nay (chỉ tính bài kinh tế)                          | 2354-0745<br>(0868-3654)                                 | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam                          | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 93 | Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông (chỉ tính bài kinh tế)         | 1859-0519                                                | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam                          | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 94 | Nghiên cứu địa lý nhân văn (chỉ tính bài kinh tế)                | 2354-0648                                                | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam                          | <b>0 – 0,25</b> từ 2021                                        |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT  | Tên tạp chí                                                                                             | Chỉ số ISSN                | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                              | Điểm                                                           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 95  | Nghiên cứu Đông Bắc Á<br>Tên cũ: NC Nhật Bản;<br>NC Nhật Bản và Đông<br>Bắc Á (chỉ tính bài kinh<br>tế) | 2354-077X<br>(0868-3646)   | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học<br>Xã hội Việt Nam                                      | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 96  | Nghiên cứu Gia đình và<br>Giới (chỉ tính bài kinh tế)                                                   | 1859-1361-V<br>1859-1329-E | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học<br>Xã hội Việt Nam                                      | <b>0 – 0,25</b> từ 2021                                        |
| 97  | Những vấn đề Kinh tế và<br>Chính trị Thế giới (tên<br>cũ: Những vấn đề Kinh tế<br>Thế giới)             | 0868-2984                  | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học<br>Xã hội Việt Nam                                      | <b>0 – 1,0</b>                                                 |
|     | Vietnam Economic<br>Review                                                                              |                            |         |                                                                               | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 98  | Vietnam's Socio –<br>Economic Development                                                               | 0868-359X                  | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học<br>Xã hội Việt Nam                                      | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 99  | Khoa học Xã hội Việt<br>Nam (chỉ tính bài kinh tế)                                                      | 1013-4328                  | Tạp chí | Viện Hàn lâm Khoa học<br>Xã hội Việt Nam                                      | <b>0 – 0,5</b> từ 2016                                         |
| 100 | Khoa học Xã hội miền<br>Trung (chỉ tính bài kinh<br>tế)                                                 | 1859-2635                  | Tạp chí | Viện KH Xã hội vùng<br>Trung Bộ, Viện Hàn<br>lâm KHXH Việt Nam                | 0 – 0,25 từ 2017<br>0 – 0,5 từ 2020<br><b>0 – 0,75</b> từ 2023 |
| 101 | Nghiên cứu Đông Nam Á<br>(chỉ tính bài kinh tế)                                                         | 0868-2739                  | Tạp chí | Viện Nghiên cứu Đông<br>Nam Á, Viện Hàn lâm<br>KHXH Việt Nam                  | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 102 | Nghiên cứu kinh tế                                                                                      | 0545-8986<br>(0866-7489)   | Tạp chí | Viện Kinh tế Việt Nam,<br>Viện Hàn lâm KHXH<br>Việt Nam                       | <b>0 – 1,0</b>                                                 |
| 103 | Nhân lực Khoa học xã<br>hội (chỉ tính bài kinh tế)                                                      | 0866-756X                  | Tạp chí | Học viện Khoa học Xã<br>hội, Viện Hàn lâm<br>KHXH Việt Nam                    | <b>0 – 0,25</b> từ 2015                                        |
| 104 | Phát triển bền vững vùng<br>(chỉ tính bài kinh tế)                                                      | 2354-0729                  | Tạp chí | Viện Nghiên cứu Phát<br>triển bền vững vùng,<br>Viện Hàn lâm KHXH<br>Việt Nam | 0 – 0,5 từ 2016<br><b>0 – 0,75</b> từ 2020                     |
| 105 | Thông tin Khoa học xã<br>hội (chỉ tính bài kinh tế)                                                     | 0866-8647                  | Tạp chí | Viện Thông tin Khoa<br>học xã hội, Viện Hàn<br>lâm KHXH Việt Nam              | 0 – 0,25 từ 2019<br><b>0 – 0,5</b> từ 2022                     |
| 106 | Khoa học Xã hội TP Hồ<br>Chí Minh (chỉ tính bài<br>kinh tế)                                             | 1859-0136                  | Tạp chí | Viện KHXH vùng Nam<br>Bộ, Viện Hàn lâm<br>KHXH Việt Nam                       | <b>0 – 0,25</b> từ 2020                                        |
| 107 | Nghiên cứu Ấn Độ và<br>Châu Á (chỉ tính bài kinh<br>tế)                                                 | 0866-7314                  | Tạp chí | Viện Nghiên cứu Ấn<br>Độ và Tây Nam Á,<br>Viện Hàn lâm KHXH<br>Việt Nam       | <b>0 – 0,5</b> từ 2016                                         |
| 108 | Nghiên cứu Châu Âu<br>(chỉ tính bài kinh tế)                                                            | 0868-3581                  | Tạp chí | Viện Nghiên cứu Châu<br>Âu, Viện Hàn lâm<br>KHXH Việt Nam                     | <b>0 – 0,5</b>                                                 |
| 109 | Nghiên cứu Trung Quốc<br>(chỉ tính bài kinh tế)                                                         | 0868-3670                  | Tạp chí | Viện Nghiên cứu Trung<br>Quốc, Viện Hàn lâm<br>KHXH Việt Nam                  | <b>0 – 0,5</b>                                                 |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT  | Tên tạp chí                                                                       | Chỉ số ISSN                               | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                  | Điểm                                |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 110 | Quản lý Kinh tế (đình bản từ 31/12/2018)                                          | 1859-039X                                 | Tạp chí | Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 0 – 0,5 trước 2019                  |
| 111 | Phát triển khoa học và công nghệ (Chỉ tính bài kinh tế)                           | 1859-0128                                 | Tạp chí | Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh                                   | 0-0,5<br>0-0,75 từ 2024             |
| 112 | Kinh tế tài chính Việt Nam                                                        | 2354-127X                                 | Tạp chí | Bộ Tài chính                                                      | 0 – 0,25 từ 2019<br>0 – 0,5 từ 2022 |
| 113 | Nghiên cứu Công nghiệp và Thương mại                                              | p-0866-7853<br>e-2734-9799                | Tạp chí | Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công thương, Bộ Công thương | 0 – 0,25 từ 2022                    |
| 114 | Chính trị và Phát triển (chỉ tính bài kinh tế)                                    | 1859-2457                                 | Tạp chí | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật                           | 0 – 0,25 từ 2022<br>0 – 0,5 từ 2025 |
| 115 | Bảo hiểm xã hội                                                                   | 1859-2562                                 | Tạp chí | Bảo hiểm XH Việt Nam                                              | 0 – 0,5                             |
| 116 | Thị trường Tài chính tiền tệ                                                      | 1859-2805                                 | Tạp chí | Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam                                       | 0 – 0,5                             |
| 117 | Kế toán và Kiểm toán (Tên cũ: Kế toán)                                            | p-2815-6129<br>e-2815-6137<br>(1859-1914) | Tạp chí | Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam                                 | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2025         |
| 118 | Tài chính Doanh nghiệp                                                            | 1859-3887                                 | Tạp chí | Hội tư vấn Thuế Việt Nam                                          | 0 – 0,25 từ 2019<br>0 – 0,5 từ 2023 |
| 119 | Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương                                                    | 0868-3808                                 | Tạp chí | Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương                        | 0 – 0,5                             |
| 120 | Khoa học Đại học Đại Nam (chỉ tính bài kinh tế)                                   | 2815-5580                                 | Tạp chí | Trường Đại học Đại Nam                                            | 0-0,25 từ 2023                      |
| 121 | Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ (chỉ tính bài kinh tế)                         | p-2859-4190<br>e-2815-553X                | Tạp chí | Trường Đại học Sao Đỏ                                             | 0-0,25 từ 2023                      |
| 122 | Khoa học và Kinh tế phát triển (chỉ tính bài kinh tế)                             | 2588-1272                                 | Tạp chí | Trường Đại học Nam Cần Thơ                                        | 0 – 0,25 từ 2023                    |
| 123 | Khoa học Đại học Đồng Tháp (chỉ tính bài kinh tế)                                 | 0866-7675                                 | Tạp chí | Trường Đại học Đồng Tháp                                          | 0 – 0,25 từ 2023<br>0 – 0,5 từ 2025 |
| 124 | Khoa học trường Đại học Vinh (Khoa học Xã hội và Nhân văn) (chỉ tính bài kinh tế) | 1859-2228                                 | Tạp chí | Trường Đại học Vinh                                               | 0 – 0,25 từ 2023                    |
| 125 | Khoa học Công nghệ thông tin và truyền thông (Chỉ tính bài kinh tế)               | 2525-2224                                 | Tạp chí | Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông                           | 0 – 0,25 từ 2023<br>0 – 0,5 từ 2025 |
| 126 | Khoa học Đại học Cửu Long (chỉ tính bài kinh tế)                                  | 2354-1423                                 | Tạp chí | Trường Đại học Cửu Long                                           | 0 – 0,25 từ 2023                    |
| 127 | Tài chính Quản trị Kinh doanh                                                     | 2525-2305                                 | Tạp chí | Trường Đại học Tài chính Quản trị Kinh doanh                      | 0 – 0,25 từ 2023                    |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT  | Tên tạp chí                                                                     | Chỉ số ISSN                | Loại              | Cơ quan xuất bản                                              | Điểm                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 128 | Khoa học và công nghệ<br>Trường ĐH Hòa Bình<br>(Chỉ tính bài kinh tế)           | 2734-9896                  | Tạp chí           | Trường Đại học Hòa Bình                                       | 0 – 0,25 từ 2023<br>0 – 0,5 từ 2025           |
| 129 | Chính sách và quản lý<br>khoa học và công nghệ<br>(chỉ tính bài kinh tế)        | 1859-3801                  | Tạp chí           | Học viện Khoa học,<br>Công nghệ và Đổi mới<br>sáng tạo        | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 130 | Điện tử khoa học và công<br>nghệ giao thông (chỉ tính<br>bài kinh tế)           | 2734-9942                  | Tạp chí           | Trường Đại học Công<br>nghệ Giao thông vận tải                | 0 – 0,25 từ 2024                              |
|     | Journal of Science and<br>Transport Technology<br>(chỉ tính bài kinh tế)        | 2734-9950                  | Tạp chí<br>Scopus |                                                               | 0 – 0,25 từ 2024<br>0 – 1,5 từ 2025<br>SCOPUS |
| 131 | Khoa học Đại học Đồng<br>Nai (chỉ tính bài kinh tế)                             | 2354-1482                  | Tạp chí           | Trường Đại học Đồng<br>Nai                                    | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 132 | Khoa học Đại học Hạ<br>Long (chỉ tính bài kinh<br>tế)                           | 2815-5521                  | Tạp chí           | Trường Đại học Hạ<br>Long                                     | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 133 | Tạp chí khoa học Lạc<br>Hồng (chỉ tính bài kinh<br>tế)                          | 2525-2186                  | Tạp chí           | Trường Đại học Lạc<br>Hồng                                    | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 134 | Khoa học tài chính - ngân<br>hàng (chỉ tính bài kinh tế)                        | 2734-9543                  | Tạp chí           | Trường Đại học Tài<br>chính Ngân hàng Hà<br>Nội               | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 135 | Khoa học và Công nghệ<br>(chỉ tính bài kinh tế)                                 | 2734-9500                  | Tạp chí           | Trường Đại học Thành<br>Đông                                  | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 136 | Khoa học và Công nghệ<br>(chỉ tính bài kinh tế)                                 | 2615-9015                  | Tạp chí           | Trường Đại học<br>Nguyễn Tất Thành                            | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 137 | Nghiên cứu khoa học và<br>phát triển (chỉ tính các bài<br>kinh tế)              | 2815-570X                  | Tạp chí           | Trường Đại học Thành<br>Đô                                    | 0 – 0,25 từ 2024                              |
| 138 | Nghiên cứu khoa học<br>Công đoàn (chỉ tính các<br>bài kinh tế)                  | 2354-1342                  | Tạp chí           | Trường Đại học Công<br>đoàn                                   | 0 – 0,25 từ 2025                              |
| 139 | Công nghiệp Mỏ (chỉ tính<br>các bài kinh tế)                                    | 3030-4172                  | Tạp chí           | Hội Khoa học và Công<br>nghệ Mỏ Việt Nam                      | 0 – 0,25 từ 2025                              |
| 140 | Khoa học và Công nghệ<br>Giao thông Vận tải (chỉ<br>tính các bài kinh tế)       | p-1859-4263<br>e-3030-4261 | Tạp chí           | Trường Đại học Giao<br>thông Vận tải Thành<br>phố Hồ Chí Minh | 0 – 0,25 từ 2025                              |
| 141 | Khoa học Trường Đại học<br>Bạc Liêu (chỉ tính các bài<br>kinh tế)               | 2734-973X                  | Tạp chí           | Trường Đại học Bạc<br>Liêu                                    | 0 – 0,25 từ 2025                              |
| 142 | Khoa học và Công nghệ<br>(JST: Engineering and<br>Technology for<br>Sustainable | 2734-9381                  | Tạp chí           | Đại học Bách khoa Hà<br>Nội                                   | 0 – 0,25 từ 2025                              |

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

| TT  | Tên tạp chí                                                                 | Chỉ số ISSN                | Loại    | Cơ quan xuất bản                           | Điểm             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|--------------------------------------------|------------------|
|     | Development) (chỉ tính các bài kinh tế)                                     |                            |         |                                            |                  |
| 143 | Khoa học và Công nghệ Hàng hải (chỉ tính các bài kinh tế)                   | 1859-316X                  | Tạp chí | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam           | 0 – 0,25 từ 2025 |
| 144 | Kinh tế công nghiệp (chỉ tính các bài kinh tế)                              | 0866-8124                  | Tạp chí | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 0 – 0,25 từ 2025 |
| 145 | Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghệ Đồng Nai (chỉ tính các bài kinh tế) | 2815-6420                  | Tạp chí | Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai          | 0 – 0,25 từ 2025 |
| 146 | Nghiên cứu con người (chỉ tính các bài kinh tế)                             | 2815-5777                  | Tạp chí | Viện Con người, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | 0 – 0,25 từ 2025 |
| 147 | Khoa học và Công nghệ Cần Thơ (chỉ tính các bài kinh tế)                    | 3030-4148                  | Tạp chí | Trường Đại học Kỹ thuật-Công nghệ Cần Thơ  | 0 – 0,25 từ 2025 |
| 148 | Tổ chức nhà nước và Lao động                                                | p-3093-3129<br>e-3093-3773 | Tạp chí | Bộ Nội vụ                                  | 0 – 0,25 từ 2025 |
| 149 | Kinh tế - Tài chính                                                         | 3093-3390                  | Tạp chí | Bộ Tài chính                               | 0-0,75 từ 2025   |
|     | Vietnam Economic&Financial Review                                           | 3093-3722                  |         |                                            |                  |
|     | Kinh tế - Tài chính: Chuyên trang Nghiên cứu Kinh tế - Tài chính online     | e-3093-334X                |         |                                            |                  |

**c) Danh mục nhà xuất bản có uy tín trên thế giới:**

Springer, Elsevier; Wiley-Blackwell; Taylor & Francis; Sage; Oxford University Press; Cambridge University Press; Emerald; Macmillan Publishers; Inderscience Publishers; Edward Elgar Publishing; De Gruyter; World Scientific; Routledge; Peter Lang; Thomson Reuters; McGraw Hill;

Các Nhà xuất bản của top 100 các trường Đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm.

**d) Tạp chí quốc tế uy tín ngành Kinh tế:**

Là các tạp chí thuộc danh mục Web of Science và Scopus có phạm vi công bố (scope) thuộc các chuyên ngành của ngành Kinh tế. Các tạp chí có dấu hiệu sẵn mỗi/vi phạm liên chính học thuật như thu phí và phản biện/xuất bản trong thời gian ngắn, xuất bản nhiều bài báo trong một số... sẽ được thẩm định nghiêm ngặt về chất lượng và tính liên chính học thuật.